Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8504.23.22

Mã HS	8504.23.22
Mô tả hàng hóa	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Máy biến điện sử dụng điện môi lỏng: / - - Có công suất danh định trên 10.000 kVA: / - - - Có công suất danh định trên 15.000 kVA: / - - - - Trên 20.000 kVA nhưng không quá 30.000 kVA
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:05:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85042322/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14975
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14975
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14975
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14271
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14212
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14212
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14212
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14212
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14212
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14212
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14266
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14266
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14266
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14266

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14266
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14266
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14267
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14267
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14267
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14267
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14267
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14267
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14270
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14218
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14226
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14226
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14226
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14226
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14226
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14226
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14257
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14257
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14257
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14257
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14257
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14257
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14312
VCFTA	2023	2023	5	VC!E14312
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14312
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14312
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14312
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14289
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14289
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14289
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14289
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14289
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14289
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14289
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14289
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14289
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14289
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14289
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14289
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D14304
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E14304
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F14304
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14304
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14304
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14304
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D14303
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E14303
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F14303
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14303
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14303
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14303

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14296
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14296
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14296
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14296
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14296
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14296
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14296
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14291
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14291
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14291
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14291
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14291
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14291
RCEP B	2022	2022	0	B!D14291
RCEP B	2023	2023	0	B!E14291
RCEP B	2024	2024	0	B!F14291
RCEP B	2025	2025	0	B!G14291
RCEP B	2026	2026	0	B!H14291
RCEP B	2027	2027	0	B!I14291
RCEP C	2022	2022	0	C!D14291
RCEP C	2023	2023	0	C!E14291
RCEP C	2024	2024	0	C!F14291
RCEP C	2025	2025	0	C!G14291
RCEP C	2026	2026	0	C!H14291
RCEP C	2027	2027	0	C!I14291
RCEP D	2022	2022	0	D!D14290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14290
RCEP D	2024	2024	0	D!F14290
RCEP D	2025	2025	0	D!G14290
RCEP D	2026	2026	0	D!H14290
RCEP D	2027	2027	0	D!I14290
RCEP E	2022	2022	0	E!D14294
RCEP E	2023	2023	0	E!E14294
RCEP E	2024	2024	0	E!F14294
RCEP E	2025	2025	0	E!G14294
RCEP E	2026	2026	0	E!H14294
RCEP E	2027	2027	0	E!I14294
RCEP F	2022	2022	0	F!D14291
RCEP F	2023	2023	0	F!E14291
RCEP F	2024	2024	0	F!F14291
RCEP F	2025	2025	0	F!G14291
RCEP F	2026	2026	0	F!H14291
RCEP F	2027	2027	0	F!I14291
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F13289
VIFTA	2025	2025	4	VI!G13289
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H13289
VIFTA	2027	2027	3	VI!I13289

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8504.23 có 4 dòng thuế; dòng 8504.23.22 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Trên 20.000 kVA nhưng không quá 30.000 kVA.	8504.23.10 Có công suất danh định không quá 15.000 kVA; 8504.23.21 Không quá 20.000 kVA; 8504.23.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8504.23.22. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8504.23.22 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14975), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.